,TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: **266**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo

2. Bà Lý Thị Nhân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/TLST-HNGĐ, ngày 02/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2021, giữa:

- *Nguyên đơn***:** Anh **Phạm Ngọc K**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 16, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 17, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Thôn Minh Hiệp 2, xã M, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Phạm Ngọc K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc K đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 15/3/2006 tại UBND xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên gia đình tổ chức cưới cho anh chị theo nghi lễ truyền thống, sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 6 và thôn 17 xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh chị không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy con cái, đến năm 2016 thì vợ chồng ly thân, chị T đưa các con chung của anh K và chị T về nhà bố nẹ đẻ của chị T ở, anh K đã nhiều lần khuyên

chị T về để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị T kiên quyết không nghe. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh K làm đơn khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn chị Nguyễn Thị T

- Về con chung: Anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Phạm Đăng D, sinh ngày 12/12/2006 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26/01/2013. Hiện nay các con chung của anh chị đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T, do chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Anh K đề nghị Tòa án giải quyết giao Phạm Đăng K cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn; Giao Phạm Đăng D cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc K xác nhận, anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh Phạm Ngọc K xác nhận, anh và chị Nguyễn Thị T không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Ngọc K có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng mâu thuẫn do anh K thường xuyên đánh đập hành hạ chị Tuất, hàng xóm khuyên can nhiều lần nhưng anh K không thay đổi; Năm 2016 thì vợ chồng ly thân, chị T đưa hai con chung của chị và anh K về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, trước yêu cầu ly hôn của anh K, chị T hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Quá trình chung sống chị T và anh K có hai con chung là Phạm Đăng D, sinh ngày 12/12/2006 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26/01/2013, hiện nay do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Chị T đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục sau ly hôn và yêu cầu anh K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với Phạm Đăng K, với mức cấp dưỡng hằng tháng với số tiền bằng 02 tháng lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng cho đến khi cháu Khoa tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và vay nợ, chị Nguyễn Thị T xác nhận, chị và anh K không có tài sản gì chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị T xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án gửi, tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị T không đến tham gia tố tụng theo thời gian triệu tập của Tòa án. Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T tại nơi cư trú, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện thôn 16, xã K, thành phố T xác nhận: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc Kiên có hộ khẩu thường trú tại thôn 17, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên

Quang; Anh K và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ truyền thống, sau khi cưới anh chị làm ăn sinh sống tại thôn 16, xã K, thành phố T. Quá trình chung sống anh K làm nghề cơ khí tại nhà và làm ruộng vườn, chị T không có nghề nghiệp gì ở nhà làm việc nhà và chăm con. Anh K và chị T có hai con chung là Phạm Đăng D, sinh ngày 12/12/2006 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26/01/2013, khoảng cuối năm 2016 thì không hiểu nguyên nhân gì chị T đưa các con về nhà mẹ đẻ ở. Về tài sản chung tại thôn 16, xã K, thành phố T anh K và chị T không có nhà và đất chung, các tài sản khác đại diện thôn không nắm được; Về vay nợ: Tại thôn anh K và chị T không vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Tại phiên tòa: Anh Phạm Ngọc K giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị T; Thay đổi yêu cầu về việc giao người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, anh K nhất trí với ý kiến của chị T về việc giao hai con chung là Phạm Đăng D và Phạm Đăng K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, đồng thời anh K tự nguyện nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn đối với con chung là Phạm Đăng K với mức cấp dưỡng bằng số tiền của 2 tháng lương tại cơ sở tương ứng với 2.980.000đ (*hai triệu tám chín trăm tám mươi nghìn đồng*)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi con chung là Phạm Đăng K đủ 18 tuổi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh Phạm Ngọc K ly hôn chị Nguyễn Thị T; Giao hai con chung là Phạm Đăng D, sinh ngày 12/12/2006 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn. Anh Phạm Ngọc K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T đối với cháu Phạm Đăng K với mức cấp dưỡng là 2.980.000đ (*hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*)/tháng; Thời gian cấp dưỡng, tính từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu Phạm Đăng K đủ 18 tuổi. Anh Phạm Ngọc K được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ thường trú tại thành phố T, hiện nay đang tạm trú tại huyện H, thành phố Hà Nội; Nguyên đơn khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình tại Tòa án nhân dân thành phố T, bị đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về việc lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về việc kiểm tra việc giao nộp chứng cứ**:** Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; Bản sao: Sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh nhân dân của Phạm Ngọc K, Giấy khai sinh của Phạm Đăng K và giấy khai sinh của Phạm Đăng D; Đơn xin xác nhận về việc làm và thu nhập; Bị đơn cung cấp cho Tòa án 02 bản tự khai; Hợp đồng mượn nhà; Hợp đồng thuê gian hàng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao). Nguyên đơn không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp và tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2006 tại UBND xã K, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, hiện nay đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, tại bản tự khai chị Nguyễn Thị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí yêu cầu ly hôn của anh Phạm Ngọc K. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị T;

- Về con chung: Anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Phạm Đăng D, sinh ngày 12/12/2006 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26/01/2013. Xét yêu cầu của các đương sự về việc giao người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. HĐXX, xét thấy hiện nay các con chung của anh K và chị T đều do chị Nguyễn Thị T đang trực tiếp

nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục từ năm 2016. Theo nội dung biên bản lấy lời khai của anh K, biên bản ghhi nhận ý kiến của Phạm Đăng D, biên bản ghi nhận ý kiến của Phạm Đăng K thì từ khi anh K và chị T ly thân đến nay, anh K ít quan tâm hỏi han đến các con, không chu cấp cho các con, không mua sách vở quần áo, không phụ giúp chị T đóng góp chi phí học tập cho các con, một mình chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục các con chu đáo, đầy đủ, các con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, học tập đạt kết quả tốt, các con không muốn thay đổi về nơi ở và học tập. Quá trình giải quyết vụ án anh K có ý kiến là anh đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nhưng không nhất trí cấp dưỡng nuôi con cùng chị T nếu giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Qua đó đánh giá về trách nhiệm của anh K trong việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung là chưa tốt. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Phạm Ngọc K nhất trí giao cả hai con chung là Phạm Đăng K và Phạm Đăng D cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn; Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, anh K tự nguyện nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Nguyễn Thị T đối với Phạm Đăng K, với mức cấp dưỡng bằng số tiền của 2 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử tương ứng với 2.980.000đ (*hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung là Phạm Đăng K đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp, kết quả xác minh, ý kiến của cháu Phạm Đăng K, cháu Phạm Đăng D và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, xét thấy chị Nguyễn Thị T có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, các con Phạm Đăng D, Phạm Đăng K đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, hơn nữa hiện các con đang sinh sống, học tập ổn định nên việc thay đổi nơi ở trái với ý muốn của con có thể gây những biến động về tâm lý không tốt, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Anh Phạm Ngọc K có cơ sở sản xuất cửa nhôm có thu nhập trung bình từ 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng đến 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng, ngoài ra anh K còn có thu nhập từ làm ruộng và vườn, thu nhập từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)/năm đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)/năm. Do vậy HĐXX, xét thấy, giao cả hai con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, anh Phạm Ngọc K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T đối với con chung Phạm Đăng K là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo đúng với mong muốn, nguyện vọng của các con và ý kiến của hai bên đương sự.

- Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T, không xác định được anh K và chị T có tài sản chung hay không; Anh K và chị T đều xác nhận, vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung.

- Về vay nợ chung: Anh Phạm Ngọc K và chị Nguyễn Thị T đều xác nhận, vợ chồng có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Anh Phạm Ngọc K không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Anh Nguyễn Ngọc Kiên phải chịu toàn bộ Án phí của vụ án là 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*), trong đó án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Ngọc Kiên đã nộp trong vụ án này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Anh Nguyễn Ngọc Kiên còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Ngọc K được ly hôn chị Nguyễn Thị T;

2. Giao hai con chung Phạm Đăng D, sinh ngày 12/12/2006 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn;

Anh Phạm Ngọc K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với Phạm Đăng K, mức cấp dưỡng là 2.980.000đ (hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung là Phạm Đăng K đủ 18 tuổi;

Anh Phạm Ngọc K được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Ngọc K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của

người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phạm Ngọc K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000896 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, anh Phạm Ngọc K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc K còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/8/2021, chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Tuyên Quang;
- UBND xã K, tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thảo – Lý Thị Nhân **Vương Thị Lan**